

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HT
TỈNH BT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19 /2021/DS-ST

Ngày: 02/6/2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ph Đ Kh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị T và bà Vũ Thị N.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Th – Thư ký Tòa án nhân dân huyện HT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Tr – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HT, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 192/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2021/QĐST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị H, sinh năm: 1955. Địa chỉ: Thôn 2, xã TP, huyện HT, tỉnh BT. (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Võ Thị S, sinh năm: 1955. Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn TN, huyện HT, tỉnh BT. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị H trình bày: Do có mối quan hệ từ việc mua phần bón nên vào ngày 14/01/2015, bà Võ Thị S có vay của bà Huỳnh Thị H số tiền 30.000.000đồng và thế sổ hồng (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất) để làm tin. Đến tháng 02/2015 vay thêm 10.000.000đồng; Tổng cộng 02 lần vay tiền là 40.000.000đồng, hẹn đến cuối năm 2015 trả đủ. Tuy nhiên, do chồng bà S bị bệnh nên sau nhiều lần hẹn, mãi đến năm 2019 thì bà S mới trả. Tại buổi tối ngày 28/8/2019, hai bên thống nhất tiền gốc và lãi là 50.000.000đồng và bà S trả 25.000.000đồng và xin lại sổ hồng, đồng thời viết lại giấy nợ mới với nội dung là còn thiếu 25.000.000đồng và xin trả góp đến năm 2020, sẽ trả đủ số tiền còn thiếu 25.000.000đồng. Tuy nhiên, từ ngày viết giấy nợ đến nay thì bà S không trả tiền cho bà H. Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Võ Thị S phải trả cho bà H số tiền vay nợ còn thiếu 25.000.000đồng, không tính lãi.

- *Bị đơn, bà Võ Thị S trình bày:* Bà đồng ý với lời trình bày của nguyên đơn, bà Sáu thừa nhận có vay của bà H hai lần vào đầu năm 2015 nhưng không nhớ ngày tháng với tổng số tiền là 40.000.000đồng và thế sổ hồng (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất) để làm tin. Đến tối ngày 28/8/2019, hai bên thống nhất tiền gốc và lãi là 50.000.000đồng thì bà Sáu đồng ý số tiền nêu trên nhưng bà Sáu đã trả đủ tiền thì bà H mới trả lại sổ hồng cho bà. Do đó, bà S không còn thiếu tiền vay của bà Huỳnh Thị H.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi xem các tài liệu có tại hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa đã có đủ căn cứ xác định yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Võ Thị S phải trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền nợ còn thiếu 25.000.000đồng.

Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của tòa án:* Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn trú tại khu phố 5, thị trấn Tân Nghĩa, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện HT theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng là anh Phạm Xuân T; Tuy nhiên, các đương sự đều xác định sự vắng mặt của người làm chứng này không gây khó khăn hay ảnh hưởng gì đến việc giải quyết khách quan và toàn diện vụ án. Hơn nữa, người làm chứng là anh Phạm Xuân T đã có lời khai trực tiếp với Tòa án vào ngày 09/4/2021. Do đó, tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định tại khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:* Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ để xác định: Các đương sự đều thống nhất thừa nhận vào năm 2015, bà Võ Thị S có vay của bà Huỳnh Thị H hai lần với tổng số tiền là 40.000.000đồng và thế sổ hồng (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất) để làm tin. Đến tối ngày 28/8/2019, hai bên thống nhất tiền gốc và lãi là 50.000.000đồng, trong đó tiền gốc là 40.000.000đồng và tiền lãi là 10.000.000đồng. Tuy nhiên, bà H trình bày là bà S trả 25.000.000đồng và xin lại sổ hồng, đồng thời viết lại giấy nợ mới với nội dung là còn thiếu 25.000.000đồng và xin trả góp đến năm 2020, sẽ trả đủ

số tiền còn thiếu 25.000.000đồng nhưng bà S cho rằng đã trả đủ tiền cho bà H thì bà H mới trả lại sổ hồng cho bà nên bà không còn thiếu tiền vay của bà H, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Xét quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa các bên đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy rằng, bị đơn là bà S thừa nhận có vay của bà H số tiền 40.000.000đồng vào đầu năm 2015. Đến ngày 28/8/2019, hai bên thống nhất tính tiền lãi vay từ đầu năm 2015 đến ngày 28/8/2019 là 10.000.000đồng. Như vậy, bà Sấu có trách nhiệm phải trả cho bà H với tổng số tiền là 50.000.000đồng. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Xét lời trình bày của bà S cho rằng, bà đã trả đủ 50.000.000đồng, bao gồm tiền gốc và lãi cho bà H thì bà H mới trả lại sổ hồng cho bà nhưng bà S không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Mặt khác, bà S cũng thừa nhận giấy nợ ghi ngày 28/8/2019 với nội dung: “...*chị S và con trai có trả bớt 25.000.000đồng (Hai lăm triệu) chị S lấy lại cuống sổ. như vậy số tiền gốc 50.000.000 - 25.000.000 = 25.000.000 chị S và con trai sẽ trả góp đến hết 20000...*”, do bà H cung cấp tại Toà án là đúng sự thật và chữ ký tại giấy nợ ghi ngày 28/8/2019 là của bà S và anh T đã ký tên là đúng. Hơn nữa, lời khai của bà S cũng phù hợp với lời khai và thừa nhận của anh Phạm Xuân T (con trai bà S) tại biên bản lấy lời khai ngày 09/4/2021. Tuy nhiên, anh Phạm Xuân T cho rằng “*chị S và con trai sẽ trả góp đến hết 20000...*” nên mẹ con anh sẽ trả cho bà H mỗi tháng 20.000đồng/tháng là không đúng nội dung thỏa thuận nêu trên mà thực chất là do bà H viết sai chính tả nên nội dung thỏa thuận nêu trên phải được hiểu là “*chị S và con trai sẽ trả góp đến hết 2020...*”. Ngoài ra, những dòng chữ chỉnh sửa viết thêm từ “gốc và lãi” tại dòng thứ 9 và dòng thứ 13, tính từ trên xuống thì không ảnh hưởng đến bản chất và nội dung thỏa thuận giữa các bên.

Từ những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở để xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H.

Buộc bà Võ Thị S phải có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Về án phí: Miễn toàn bộ án phí cho bà Võ Thị S.

3/ Án xử công khai, báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án có hiệu lực theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BT;
- VKSND huyện HT;
- Chi cục THADS huyện HT;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ph Đ Kh